TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST Ngày 18-7-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 17-4-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-7-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Như N, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 02-4-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Như N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 18-5-2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và về phát triển kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng theo thời gian ngày càng trầm trọng. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Trịnh Như B, sinh ngày 27-7-2016. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai và đơn đề nghị ngày 20-5-2019, bị đơn là anh Trịnh Như N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N thống nhất với chị H về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Anh thừa nhận, sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; cụ thể: Trong cuộc sống giữa anh và chị H không hợp nhau về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do tính chất công việc nên anh thường xuyên phải đi làm xa, có khi một hai tháng mới về nhà một lần nhưng chị H không cảm thông, chia sẻ, không tin tưởng anh nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh đã cố gắng trao đổi với chị H để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, xét thấy mâu thuẫn giữa anh và chị H đã đến mức trầm trọng và tình cảm anh dành cho chị đã hết nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Trịnh Như B, sinh ngày 27-7-2016. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Bùi Thị H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trịnh Như N tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh N có nơi cư trú tại: Phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về viêc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N.

Về hôn nhân:

[3] Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 18-5-2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị H và anh N thống nhất trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, nên từ đầu năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong cách phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tự khắc phục và cũng đã được gia đình hai bên nhiều lần tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả, tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Lời khai của chị H và anh N phù hợp với trình bày của gia đình chị H, gia đình anh N và xác nhận của tổ dân phố, chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị H và anh N thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[5] Xét thấy, chị H và anh N đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[6] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Trịnh Như B, sinh ngày 27-7-2016. Ly hôn, anh chị thống nhất đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trịnh Như B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân s ự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trịnh Như N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là là Trịnh Như B, sinh ngày 27-7-2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị H và anh N có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006970 ngày 17-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng